

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG
NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 79 /2021/CV-SGT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Mã chứng khoán: SGT

Trụ sở chính: Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.3715 9909

Fax: 028.5437 1074

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Cẩm Phương

Địa chỉ: Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. HCM

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021

Ngày 11/04/2021, Công ty cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn đã tiến hành thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2021. Đính kèm Công văn này là Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn www.saigontel.vn mục Quan hệ cổ đông vào ngày 12/04/2021

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng kính chào!

PHỤ TRÁCH CBTT
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN CẨM PHƯƠNG

Số: 01.../2021/ĐHĐCĐ-SGT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2021

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG SÀI GÒN

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Giấy ĐKKD số: 0302615063 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 17 tháng 06 năm 2015.

Vào lúc 13 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 04 năm 2021, tại Khách sạn Rex (Rex Hotel) - 141 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn đã tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 (sau đây viết tắt là “ĐHĐCĐ” hoặc “Đại hội”).

PHẦN I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Thành phần tham dự:

- Các cổ đông, đại diện ủy quyền của cổ đông Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn.
- Đại biểu mời tham dự: Các ông/bà là cán bộ, nhân viên đại diện cho các phòng ban chuyên môn, Ban Lãnh đạo của Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn về dự Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông

Bà Trần Nguyễn Kim Hằng – Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội: Tại thời điểm 13 giờ 40 phút ngày 11/04/2021, số lượng cổ đông tham dự như sau:

Hình thức tham dự	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
Trực tiếp tại đại hội	68	61.004.451	82,44%
Trực tuyến	0	0	0%
Tổng cộng	68	61.004.451	82,44%

Trong đó số lượng đại biểu ủy quyền là 34 đại biểu.



Hình thức tham dự	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
Trực tiếp tại đại hội	79	65.085.691	91,09%
Trực tuyến	2	2.319.180	3,13%
Tổng cộng	81	67.404.871	91,09%

Đại hội đã tiến hành bỏ phiếu với kết quả như sau:

Nội dung	Số lượng cổ đông tán thành	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội
Thông qua chương trình họp ĐHĐCĐ	81	67.404.871	91,09%
Thông qua Quy chế hướng dẫn tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử	81	67.404.871	91,09%
Thông qua Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ	81	67.404.871	91,09%
Thông qua Quy chế bầu cử Kiểm soát viên 2018-2023	81	67.404.871	91,09%

Sau khi thông qua các nội dung trên, Đoàn Chủ tọa điều hành Đại hội theo Chương trình đã được Đại hội thông qua bao gồm các nội dung:

- 1- Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về tình hình hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- 2- Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021;
- 3- Báo cáo về hoạt động giám sát của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
- 4- Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC);
- 5- Phương án lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021;
- 6- Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ Công ty;
- 7- Điều chỉnh, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- 8- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- 9- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- 10- Sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh;
- 11- Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 của Công ty cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn;
- 12- Phương án tăng vốn điều lệ Công ty;

13- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị.

PHẦN II – NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO

1. **Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về tình hình hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021**
 - Người báo cáo: Ông Đặng Thành Tâm
 - Nội dung chi tiết đã được công bố trên website công ty và gửi trực tiếp cho các cổ đông tham dự tại Đại hội (nội dung báo cáo đính kèm)
2. **Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020**
 - Người báo cáo: Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh
 - Nội dung chi tiết đã được công bố trên website công ty và gửi trực tiếp cho các cổ đông tham dự tại Đại hội (nội dung báo cáo đính kèm)
3. **Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kế hoạch kinh doanh năm 2021**
 - Người báo cáo: Bà Nguyễn Cẩm Phương
 - Nội dung chi tiết đã được công bố trên website công ty và gửi trực tiếp cho các cổ đông tham dự tại Đại hội (nội dung báo cáo đính kèm)
4. **Báo cáo về hoạt động giám sát của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021**
 - Người báo cáo: Bà Lê Thị Kim Nhung
 - Nội dung chi tiết đã được công bố trên website công ty và gửi trực tiếp cho các cổ đông tham dự tại Đại hội (nội dung báo cáo đính kèm)
5. **Trình bày các tờ trình Đại hội đồng cổ đông**
 - Người báo cáo: Ông Phan Văn Giác
 - Nội dung chi tiết:
 - a. **Các Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC)**

Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC) tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định và đã được Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn công bố theo quy định, đồng thời được đăng tải trên Website: <http://www.saigontel.vn> từ 09/02/2021 bao gồm:

 - (1) Báo cáo của Kiểm toán viên;
 - (2) Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020;
 - (3) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020;
 - (4) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;

(5) Thuyết minh Báo cáo tài chính.

(6) Trong đó có một số chỉ tiêu chủ yếu:

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã kiểm toán năm tài chính 2020:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Tổng tài sản	2,290,079,222,841
2	Vốn chủ sở hữu <i>Trong đó:</i>	764,811,193,532
2.1	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>740,019,140,000</i>
2.2	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>(3,100,000)</i>
2.3	<i>Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>24,795,153,532</i>
3	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	411,170,334,593
4	Tổng chi phí^(*)	386,230,350,986
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	24,939,983,607
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11,666,026,745

^(*)Tổng chi phí bao gồm: Chi phí hoạt động kinh doanh, Chi phí quản lý DN và Chi phí khác

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm tài chính 2020:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Tổng tài sản	2,518,241,153,056
2	Vốn chủ sở hữu <i>Trong đó:</i>	860,212,967,852
2.1	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>740,019,140,000</i>
2.2	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>(3,100,000)</i>
2.3	<i>Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>24,160,547,060</i>

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
2.4	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	96,036,380,792
3	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	482,243,202,819
4	Tổng chi phí ^(*)	456,004,649,818
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	26,238,553,001
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12,699,160,875

^(*)Tổng chi phí bao gồm: Chi phí hoạt động kinh doanh, Chi phí quản lý DN và Chi phí khác

b. Phương án lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số các công ty kiểm toán sau đây thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét các báo cáo tài chính quý (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước):

- (1) Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học AISC;
- (2) Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC);
- (3) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- (4) Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).
- (5) Công ty TNHH PKF Việt Nam;
- (6) Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young;
- (7) Công ty TNHH Kiểm toán KPMG.

Trong trường hợp không thống nhất được với những công ty kiểm toán nêu trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số công ty kiểm toán còn lại trong Danh sách Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của UBCKNN để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét các báo cáo tài chính quý (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

c. Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ Công ty:

ĐHĐCĐ thông qua điều chỉnh và bổ sung một số nội dung của Điều lệ Công ty phù hợp với Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Dự thảo Điều lệ Công ty – đính kèm biên bản họp.

Điều lệ mới có hiệu lực kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua và thay thế cho Điều lệ Công ty hiện hành.

ĐHĐCĐ giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ mới.

d. Điều chỉnh, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty:

ĐHĐCĐ thông qua điều chỉnh và bổ sung một số nội dung của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phù hợp với Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty – đính kèm biên bản họp.

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty mới có hiệu lực kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua và thay thế cho Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành.

ĐHĐCĐ giao cho Chủ tịch HĐQT của Công ty tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty mới.

e. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị:

ĐHĐCĐ thông qua quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị - đính kèm biên bản họp.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị có hiệu lực kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua.

ĐHĐCĐ giao cho Chủ tịch HĐQT của Công ty tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

f. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát:

ĐHĐCĐ thông qua quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát phù hợp với Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát - đính kèm biên bản họp.

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát có hiệu lực kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua.

ĐHĐCĐ giao cho Ban Kiểm soát của Công ty tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

g. Sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh:

❖ Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
1	Xây dựng nhà để ở	4101
2	Xây dựng nhà không để ở	4102
3	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5	Xây dựng công trình điện (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
6	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7	Xây dựng công trình công ích khác	4229
8	Phá dỡ	4311
9	Chuẩn bị mặt bằng	4312
10	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
11	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế kiến trúc công trình dân dụng. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra dự toán và tổng dự toán công trình xây dựng. Lập dự án đầu tư (báo cáo tiền khả thi, khả thi). Lập tổng dự toán và dự toán công trình. Đánh giá sự cố, lập phương án xử lý. Khảo sát địa hình công trình. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu, đường bộ Thiết kế cấp nước công trình xây dựng. Thiết kế kiến trúc công trình - Tư vấn đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).	7110
12	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
13	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá)	6820
14	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ Logistic	5229
16	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Kinh doanh, phát triển và khai thác cảng biển	5222
17	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Bảo dưỡng và làm sạch cống rãnh và ống dẫn; Xử lý nước thải (gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp, nước thải từ bể bơi) bằng các qui trình vật lý, hóa học và sinh học như pha loãng, lọc quan màn chắn, qua bộ lọc, kết tủa; Làm rỗng và làm sạch các bể chứa nước thải và bể chứa bị nhiễm khuẩn, sử dụng các hóa chất vệ sinh;	3700
18	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
19	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở)	5510
20	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
21	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
22	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Chế biến các loại đồ mộc và thành phẩm đồ gỗ chế biến (không hoạt động tại trụ sở)	1629
23	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
24	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống;	5610
25	Đại lý du lịch	7910
26	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành, du lịch sinh thái;	7912
27	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
28	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Quản lý, bảo vệ, xây dựng và khai thác rừng trồng; Sản xuất nông lâm nghiệp kết hợp;	0210
29	Khai thác gỗ	0220
30	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
31	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
32	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)	4620
33	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
34	Cho thuê xe có động cơ	7710
35	Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở)	0121
36	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
37	Trồng lúa (không hoạt động tại trụ sở)	0111
38	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác (không hoạt động tại trụ sở)	0112
39	Trồng cây lấy củ có chất bột (không hoạt động tại trụ sở)	0113
40	Trồng cây mía (không hoạt động tại trụ sở)	0114
41	Trồng cây lấy sợi (không hoạt động tại trụ sở)	0116
42	Trồng cây có hạt chứa dầu (không hoạt động tại trụ sở)	0117
43	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở)	0118
44	Trồng cây cao su (không hoạt động tại trụ sở)	0125
45	Trồng cây cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	0126
46	Trồng cây chè (không hoạt động tại trụ sở)	0127
47	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm (không hoạt động tại trụ sở)	0128



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
48	Trồng cây hàng năm khác (không hoạt động tại trụ sở)	0119
49	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
50	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
51	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò (không hoạt động tại trụ sở)	0141
52	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai (không hoạt động tại trụ sở)	0144
53	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn (không hoạt động tại trụ sở)	0145
54	Chăn nuôi gia cầm (không hoạt động tại trụ sở)	0146
55	Chăn nuôi khác (không hoạt động tại trụ sở)	0149
56	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở)	0150
57	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
58	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
59	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
60	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
61	Dịch vụ đóng gói	8292
62	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080
63	Sản xuất hoá chất cơ bản (không hoạt động tại trụ sở)	2011
64	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (không hoạt động tại trụ sở)	2012
65	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	2021
66	Thu gom rác thải không độc hại	3811
67	Thu gom rác thải độc hại	3812
68	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3921
69	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
70	Tái chế phế liệu	3830

❖ Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú
1	Đào tạo sơ cấp (không hoạt động tại trụ sở)	8531	Ngành, nghề kinh doanh bị thay đổi theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg
2	Đào tạo trung cấp (không hoạt động tại trụ sở)	8532	
3	Đào tạo cao đẳng	8533	
4	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa (trừ môi giới bất động sản)	4610	
5	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322	

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú
6	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730	
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35 KV. - Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp. - Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học	4299	Ngành, nghề kinh doanh bị xóa theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg
8	Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở)	3511	
9	Truyền tải và phân phối điện (không hoạt động tại trụ sở) Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng; Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý điện mà sắp xếp việc mua bán điện thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác.	3512	
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ giao nhận hàng hóa. - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Môi giới thuê tàu biển; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không). - Dịch vụ hậu cần cảng. - Kinh doanh dịch vụ Logistics.	5229	Thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký

- Trong phạm vi các ngành nghề được phép bổ sung nêu trên, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT toàn quyền ra quyết định điều chỉnh thông tin ngành nghề nếu có theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan khác theo quy định về đăng ký ngành nghề kinh doanh hiện hành.
- ❖ Sửa đổi nội dung Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty của Điều lệ Công ty cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung ngành như trên.

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
Đối với ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật		
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác, bán buôn xăng dầu, bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, bán buôn khí dầu mỏ, khí butan, propan đã hóa lỏng (không hoạt động tại trụ sở)	4661
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng thiên nhiên và nước uống tinh khiết đóng chai (không hoạt động tại trụ sở)	1104
3	Sao chép bản ghi các loại Chi tiết: Sản xuất CD-VCD có nội dung được phép lưu hành (không kinh doanh bằng đĩa tại trụ sở)	1820
4	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5012
5	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	5022
6	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa hàng không)	5224
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ giao nhận hàng hóa. - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Môi giới thuê tàu biển; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không). - Dịch vụ hậu cần cảng. - Kinh doanh dịch vụ Logistics.	5229
8	Chuyển phát Chi tiết: Cung ứng dịch vụ bưu chính trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh, quốc tế	5320
9	Dịch vụ ăn uống khác	5629

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	<i>Chi tiết: Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).</i>	
10	<i>Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).</i>	5630
11	<i>Xuất bản phần mềm Chi tiết: sản xuất phần mềm</i>	5820
12	<i>Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý số liệu, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (không kinh doanh đại lý truy nhập - truy cập internet tại trụ sở) (không có hạ tầng mạng) - Đại lý cung cấp dịch vụ internet. (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet tại trụ sở) (không có hạ tầng mạng) - Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông (không có hạ tầng mạng).</i>	6190
13	<i>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật ngành tin học. Thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng máy tính.</i>	6209
14	<i>Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan</i>	6311
15	<i>Cổng thông tin Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.</i>	6312
16	<i>Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị làm lạnh thương mại và thiết bị lọc không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)</i>	3312
17	<i>Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)</i>	3314
18	<i>Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở)</i>	3511
19	<i>Truyền tải và phân phối điện (không hoạt động tại trụ sở) Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng; Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý điện mà sắp xếp việc mua bán điện thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác.</i>	3512
20	<i>Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở)</i>	3600

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
21	<i>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</i> <i>Chi tiết: - Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35 KV. - Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp. - Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học.</i>	4299
22	<i>Lắp đặt hệ thống điện</i> <i>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)</i>	4321
23	<i>Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí</i> <i>(trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)</i>	4322
24	<i>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</i> <i>Chi tiết: Lắp đặt vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)</i>	4329
25	<i>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</i> <i>Chi tiết: - Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa (trừ môi giới bất động sản)</i>	4610
26	<i>Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm</i>	4651
27	<i>Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông</i> <i>Chi tiết: - Mua bán thiết bị điện-điện tử - Mua bán vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin - Mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet.</i>	4652 (Chính)
28	<i>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</i> <i>Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị ngành viễn thông.</i>	4659
29	<i>Vận tải hàng hóa đường sắt</i> <i>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)</i>	4912
30	<i>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</i> <i>Chi tiết: - Vận tải hàng hóa thông thường - Vận tải hàng nặng, vận tải container; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng - Hoạt động chuyển đồ đạc.</i>	4933
31	<i>Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại</i> <i>Chi tiết: tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; tổ chức sự kiện, hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo, lễ hội (không thực hiện các hiệu ứng</i>	8230

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	<i>cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)</i>	
32	<i>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</i> <i>Chi tiết: dịch vụ giữ xe ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ dịch vụ lấy lại tài sản)</i>	8299
33	<i>Đào tạo sơ cấp</i>	8531
34	<i>Đào tạo trung cấp (không hoạt động tại trụ sở)</i>	8532
35	<i>Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở)</i>	8533
36	<i>Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí</i> <i>(trừ phòng trà ca nhạc, vũ trường và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).</i>	9000
37	<i>Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi</i> <i>Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)</i>	9511
38	<i>Sửa chữa thiết bị liên lạc</i> <i>Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông và tin học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)</i>	9512
39	<i>Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)</i> <i>Chi tiết: Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (chỉ hoạt động khi có sự chấp thuận của Ngân hàng nhà nước) (thực hiện theo Nghị định 101/2012/NĐ-CP)</i>	6499
40	<i>Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm</i> <i>Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm</i>	6622
41	<i>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</i> <i>Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). - Cho thuê kho bãi. Kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê). - Kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp. - Kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học</i>	6810
42	<i>Quảng cáo</i>	7310
43	<i>Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận</i>	7320

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
44	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; hoạt động trang trí nội thất (trừ thiết kế công trình xây dựng).	7410
45	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
46	Xây dựng nhà để ở	4101
47	Xây dựng nhà không để ở	4102
48	Xây dựng công trình đường sắt	4211
49	Xây dựng công trình đường bộ	4212
50	Xây dựng công trình điện (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
51	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
52	Xây dựng công trình công ích khác	4229
53	Phá dỡ	4311
54	Chuẩn bị mặt bằng	4312
55	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
56	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế kiến trúc công trình dân dụng. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra dự toán và tổng dự toán công trình xây dựng. Lập dự án đầu tư (báo cáo tiền khả thi, khả thi). Lập tổng dự toán và dự toán công trình. Đánh giá sự cố, lập phương án xử lý. Khảo sát địa hình công trình. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu, đường bộ Thiết kế cấp nước công trình xây dựng. Thiết kế kiến trúc công trình - Tư vấn đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).	7110
57	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
58	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá)	6820
59	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
60	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ Logistic	5229
61	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Kinh doanh, phát triển và khai thác cảng biển (theo quy định của Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển)	5222
62	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Bảo dưỡng và làm sạch cống rãnh và ống dẫn; Xử lý nước thải (gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp, nước thải từ bể bơi) bằng các qui trình vật lý, hóa học và sinh học như pha loãng, lọc qua màn chắn, qua bộ lọc, kết tủa; Lấm rỗng và làm sạch các bể chứa nước thải và bể chứa bị nhiễm khuẩn, sử dụng các hóa chất vệ sinh;	3700
63	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
64	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở)	5510
65	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
66	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
67	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Chế biến các loại đồ mộc và thành phẩm đồ gỗ chế biến (không hoạt động tại trụ sở)	1629
68	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
69	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống;	5610
70	Đại lý du lịch	7910
71	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành, du lịch sinh thái;	7912
72	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
73	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Quản lý, bảo vệ, xây dựng và khai thác rừng trồng; Sản xuất nông lâm nghiệp kết hợp	0210

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
74	Khai thác gỗ	0220
75	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
76	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
77	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)	4620
78	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
79	Cho thuê xe có động cơ	7710
80	Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở)	0121
81	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
82	Trồng lúa (không hoạt động tại trụ sở)	0111
83	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác (không hoạt động tại trụ sở)	0112
84	Trồng cây lấy củ có chất bột (không hoạt động tại trụ sở)	0113
85	Trồng cây mía (không hoạt động tại trụ sở)	0114
86	Trồng cây lấy sợi (không hoạt động tại trụ sở)	0116
87	Trồng cây có hạt chứa dầu (không hoạt động tại trụ sở)	0117
88	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở)	0118
89	Trồng cây cao su (không hoạt động tại trụ sở)	0125
90	Trồng cây cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	0126
91	Trồng cây chè (không hoạt động tại trụ sở)	0127
92	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm (không hoạt động tại trụ sở)	0128
93	Trồng cây hàng năm khác (không hoạt động tại trụ sở)	0119
94	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
95	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
96	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò (không hoạt động tại trụ sở)	0141
97	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai (không hoạt động tại trụ sở)	0144
98	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn (không hoạt động tại trụ sở)	0145
99	Chăn nuôi gia cầm (không hoạt động tại trụ sở)	0146



<i>STT</i>	<i>Tên ngành, nghề kinh doanh</i>	<i>Mã ngành, nghề kinh doanh</i>
100	Chăn nuôi khác (không hoạt động tại trụ sở)	0149
101	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở)	0150
102	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
103	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
104	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
105	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
106	Dịch vụ đóng gói	8292
107	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080
108	Sản xuất hoá chất cơ bản (không hoạt động tại trụ sở)	2011
109	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (không hoạt động tại trụ sở)	2012
110	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	2021
111	Thu gom rác thải không độc hại	3811
112	Thu gom rác thải độc hại	3812
113	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3921
114	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
115	Tái chế phế liệu	3830

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT ra quyết định thực hiện các công việc nêu trên trước ngày 30/05/2021.
- ĐHĐCĐ giao cho Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm tiến hành các thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành sau khi có quyết định của ĐHĐCĐ đến trước ngày 30/05/2021.

h. Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 của Công ty cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn:

❖ **Miễn nhiệm 01 thành viên Ban kiểm soát:**

Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 đối với ông Phan Anh Tuấn do có đơn từ nhiệm vì lý do cá nhân.

❖ **Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát:**

Bầu bổ sung một thành viên Ban kiểm soát để thay thế thành viên xin từ nhiệm nói trên.

Danh sách ứng viên được đề cử vào Ban kiểm soát là:

1- Ông: Nguyễn Đức Thuận

- Địa chỉ thường trú: 74/11 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
(Sơ yếu lý lịch đính kèm)

Số lượng: Bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát

Nhiệm kỳ: 2018-2023

Phương thức: Bầu dồn phiếu.

i. Trình phương án tăng vốn điều lệ Công ty:

1. Thông tin cổ phiếu chào bán

- Cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang niêm yết: 74.001.914 cổ phiếu (Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, chín trăm mười bốn cổ phiếu), trong đó:
 - o Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 74.001.604 cổ phiếu (Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, sáu trăm linh bốn cổ phiếu)
 - o Số lượng cổ phiếu quỹ: 310 cổ phiếu (Ba trăm mười cổ phiếu).

2. Phương án chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 74.001.604 cổ phiếu (Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, sáu trăm linh bốn cổ phiếu)

Tổng mệnh giá dự kiến phát hành: 740.016.040.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi tỷ, không trăm mười sáu triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng)

Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 100%

Phương thức chào bán: Chào bán cho cổ đông hiện hữu

Đối tượng chào bán: Tất cả cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền do VSD cấp.

Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phiếu – bằng mệnh giá

Phương thức xử lý cổ phiếu không chào bán hết: Số lượng cổ phiếu do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn giá đã chào bán hoặc được hủy bỏ và kết thúc đợt phát hành

Thời gian thực hiện dự kiến: Kể từ khi Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua và được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty được thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

3. Phương án chào bán riêng lẻ

Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 50.000.000 cổ phiếu (Năm mươi triệu cổ phiếu)

Tổng mệnh giá dự kiến phát hành: 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng)

Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 67,57%

Phương thức chào bán: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Đối tượng chào bán: Nhà đầu tư chiến lược và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

Số lượng nhà đầu tư: Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

Nguyên tắc xác định giá chào bán: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn giá phát hành căn cứ tình hình thực tế và trên cơ sở đàm phán với các nhà đầu tư và đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông

Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong và ngoài nước đáp ứng các tiêu chí:

- Các tổ chức, cá nhân có tiềm lực về tài chính và khả năng góp vốn nhanh ngay khi đăng ký mua cổ phần;
- Các tổ chức, cá nhân có năng lực chuyên môn, có khả năng hỗ trợ công ty trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý điều hành để gia tăng giá trị và mở rộng thị trường. Ưu tiên các đối tác truyền thống, tiềm năng của công ty;
- Các tiêu chí khác mà HĐQT thấy cần thiết.

Danh sách các đối tượng chào bán (dự kiến): Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn nhà đầu tư cụ thể và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư tương ứng.

Hạn chế chuyển nhượng: Tuân theo quy định của Luật Chứng khoán về thời gian hạn chế chuyển nhượng tối thiểu đối với cổ phiếu chào bán riêng lẻ. Theo đó, thời gian hạn chế chuyển nhượng là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp) kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Việc xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phương thức xử lý cổ phiếu không chào bán hết: Số lượng cổ phiếu do các nhà đầu tư không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn giá đã chào bán hoặc được hủy bỏ và kết thúc đợt phát hành

6
 N
 01
 H
 A
 7.1

4. Mục đích và kế hoạch sử dụng vốn

Số tiền thu được từ các đợt chào bán được sử dụng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính và nâng cao khả năng cạnh tranh, cụ thể:

- Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- Tái cơ cấu lại các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty;
- Tăng quy mô hoạt động, đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết tùy vào tình hình thực tế tại thời điểm chào bán cổ phiếu. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo với cổ đông tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất sau khi hoàn tất việc phát hành

5. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

- Xây dựng nguyên tắc xác định giá (nếu cần), phương án chào bán cổ phiếu chi tiết để trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.
- Lựa chọn thời điểm chào bán phù hợp với nhu cầu của Công ty trên cơ sở đảm bảo tuân quy định của pháp luật;
- Lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán, đơn vị bảo lãnh chào bán (nếu xét thấy cần thiết)
- Bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án phát hành (nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước) đảm bảo việc phát hành cổ phiếu được thực hiện hợp pháp, đảm bảo hoàn thành việc tăng vốn đúng theo kế hoạch sử dụng vốn đã xây dựng.
- Chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế, lợi ích của Công ty, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất sau khi hoàn tất đợt phát hành;
- Thực hiện các thủ tục đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với các ngành nghề mà Công ty đăng ký kinh doanh;
- Xử lý trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không được chào bán hết;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu và thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại cơ quan có thẩm quyền ghi nhận số vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu;
- Thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán;
- Toàn quyền quyết định các vấn đề chưa được đề cập trong Phương án chào bán;
- Thực hiện các công việc, thủ tục khác mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để hoàn tất việc phát hành theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phê duyệt nêu trên.

j. Việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Để đảm bảo việc điều hành hoạt động đầu tư, kinh doanh được thuận tiện, thông suốt và không ảnh hưởng đến tiến độ của các dự án đầu tư, tiến độ kế hoạch kinh doanh; đồng thời đảm bảo nguyên tắc quản trị công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT được xem xét quyết định, phê duyệt các công việc dưới đây, bao gồm cả trường hợp vượt qua các tỷ lệ cần phê duyệt của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ công ty liên

quan đến các công việc dưới đây và HĐQT sẽ báo cáo các công việc trọng yếu tại ĐHĐCĐ gần nhất.

- (1) Việc đầu tư, bảo lãnh, sử dụng tài sản thế chấp, thu xếp vốn thông qua các hình thức được pháp luật cho phép và các giao dịch khác liên quan đến các dự án, các hoạt động của Công ty, Công ty Con, Công ty liên kết, Các công ty mà Công ty mẹ nắm giữ dưới dạng đầu tư dài hạn và các đối tượng khác cùng liên doanh, liên kết, hợp tác kinh với Công ty.
- (2) Việc đầu tư, mua bán, bảo lãnh, sử dụng tài sản để thế chấp, thu xếp vốn và các giao dịch khác liên quan đến các dự án mà Công ty đang đầu tư tại các tỉnh: Bà Rịa – Vũng Tàu, Long An, Bắc Giang, Quảng Ninh, Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Nguyên... v.v và toàn bộ các dự án khác đang và sẽ được thành lập bởi Công ty cùng các bên liên quan và các đối tác khác.
- (3) Việc đầu tư, mua bán các dự án có quy mô lớn có tổng vốn đầu tư, hoặc vốn góp của Công ty, hoặc vốn liên doanh của Công ty, hoặc giá trị mua bán, hoặc các giao dịch liên quan khác, .v.v thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều lệ Công ty.

k. Về phương án chi trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm Soát Công ty

HĐQT báo cáo và trình ĐHĐCĐ các nội dung sau:

- (1) Tình hình chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020: Trong năm 2020, HĐQT và BKS không nhận thù lao
- (2) HĐQT trình ĐHĐCĐ phê duyệt Tổng mức chi trả thù lao tối đa hàng năm cho HĐQT, BKS cho giai đoạn 2019-2023 (hết nhiệm kỳ của HĐQT và BKS) là: 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng)/năm. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phê duyệt mức thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS.

PHẦN III – KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG TRÌNH ĐẠI HỘI

Căn cứ thông báo của Ban kiểm phiếu, tính đến trước thời điểm biểu quyết vào lúc 15 giờ 15 phút ngày 11/04/2021, số lượng cổ đông/đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội là 90 cổ đông, đại diện 67.405.141 cổ phần, chiếm 91,09% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Kết quả biểu quyết:

- Tổng số phiếu phát ra: 90 đại diện cho 67.405.141 cổ phần, chiếm 100% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp
- Tổng số phiếu thu về: 69 đại diện cho 67.403.961 cổ phần, chiếm 99.99% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp
- Tổng số phiếu không thu về: 21 đại diện cho 1.180 cổ phần, chiếm 0.0018% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp

Kết quả biểu quyết từng vấn đề như sau:

Vấn đề	Nội dung	Số lượng cổ đông tán thành	Số lượng cổ phần tán thành	Tỷ lệ số cp có quyền biểu quyết tại Đại hội	Số lượng cổ đông không có ý kiến	Số lượng cổ phần không có ý kiến	Tỷ lệ số cp có quyền biểu quyết tại Đại hội
1	Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về tình hình hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021	69	67,403,961	99.99%	-	-	0.000%
2	Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021	69	67,403,961	99.99%	-	-	0.000%
3	Báo cáo về hoạt động giám sát của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021	69	67,403,961	99.99%	-	-	0.000%
4	Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC);	68	67,403,951	99.99%	1	10	0.000%
5	Phương án lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021;	68	67,403,951	99.99%	1	10	0.000%
6	Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ Công ty;	69	67,403,961	99.99%	-	-	0.000%
7	Điều chỉnh, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;	69	67,403,961	99.99%	-	-	0.000%
8	Trình Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;	69	67,403,961	99.99%	-	-	0.000%
9	Trình Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;	69	67,403,961	99.99%	-	-	0.000%
10	Trình sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh;	69	67,403,961	99.99%	-	-	0.000%
11	Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 của Công ty cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn	69	67,403,961	99.99%	-	-	0.000%
12	Trình phương án tăng vốn điều lệ Công ty	69	67,403,961	99.99%	-	-	0.000%
13	Việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị	69	67,403,961	99.99%	-	-	0.000%
14	Phương án chi trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm Soát Công ty	68	67,403,951	99.99%	1	10	0.000%

Như vậy, với tỷ lệ đồng ý như trên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty toàn bộ các vấn đề HĐQT trình ĐHĐCĐ đã được Đại hội thông qua.

PHẦN IV – KẾT QUẢ BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2018 - 2023

Căn cứ thông báo của Ban kiểm phiếu, tính đến trước thời điểm biểu quyết vào lúc 15 giờ 21 phút ngày 11/04/2021, số lượng cổ đông/đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội là 90 cổ đông, đại diện 67.405.141 cổ phần, chiếm 91,09% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Kết quả bầu cử

- Tổng số phiếu phát ra: 90 phiếu, đại diện cho 67.405.141 cổ phần, chiếm 91,09% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp;
- Tổng số phiếu thu về: 67 phiếu, đại diện cho 67.337.294 cổ phần, chiếm 99,90% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp;
 - o Tổng số phiếu hợp lệ: 63 phiếu, đại diện cho 67.337.262 cổ phần, chiếm 99,90% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp;
 - o Tổng số phiếu không hợp lệ: 4 phiếu, đại diện cho 32 cổ phần, chiếm 0,00% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp;
- Tổng số phiếu không thu về: 23 phiếu, đại diện cho 67.847 cổ phần, chiếm 0,10% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp.

STT	Tên ứng viên Ban Kiểm soát	Tổng số phiếu bầu	Tỷ lệ đạt	Kết quả
01	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	67.337.262	99,90%	Trúng cử

PHẦN V – NỘI DUNG THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI

Căn cứ kết quả biểu quyết và kiểm phiếu Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 thống nhất những nội dung sau:

1. Thông qua nhân sự Đoàn Chủ Tọa, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu;
2. Thông qua Chương trình họp ĐHĐCĐ;
3. Thông qua Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
4. Thông qua Quy chế bầu cử Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2018-2023;
5. Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về tình hình hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
6. Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021;
7. Thông qua Báo cáo về hoạt động giám sát của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
8. Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC);
9. Thông qua Phương án lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021;
10. Thông qua điều chỉnh, bổ sung Điều lệ Công ty;
11. Thông qua điều chỉnh, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
12. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
13. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
14. Thông qua sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh;
15. Thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 của Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn;
16. Thông qua phương án tăng vốn điều lệ Công ty;
17. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị.
18. Thông qua phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty

Thông qua dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021:

Ông Lê Nguyễn Hoàng Anh - Trưởng Ban thư ký Đại hội đọc Dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021. Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông ngày 11/04/2021 với tỷ lệ biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu phát ra: 90 phiếu, đại diện cho 67.405.141 cổ phần, chiếm 100% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp
- Tổng số phiếu thu về: 68 phiếu, đại diện cho 67.361.961 cổ phần, chiếm 99,94% tính trên số cổ phần biểu quyết dự họp

Biên bản này được lập vào hồi 16 giờ 15 phút ngày 11/04/2021.

TM. THƯ KÝ ĐẠI HỘI



LÊ NGUYỄN HOÀNG ANH

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



ĐẶNG THÀNH TÂM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN

A Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung
P. Tân Chánh Hiệp, Q.12, TP.HCM

M (028) 3715 9909
F (028) 5437 1074

VPĐD Miền Nam

12 Phạm Đình Toái,
P.6, Q.3, TP.HCM

VPĐD Miền Bắc

193 Trích Sài,
P.Bưởi, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội

Chi nhánh Bắc Ninh

KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn,
Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh

Số: 01.../2021/ĐHĐCĐ-SGT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT 01
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

-----***-----

- Căn cứ quy định pháp luật hiện hành của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn hiện hành;
- Căn cứ Tờ trình của Hội Đồng Quản Trị tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021;
- Căn cứ Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 ngày 11 tháng 04 năm 2021.

QUYẾT NGHỊ:

ĐIỀU 1: Thông qua Chương trình họp ĐHĐCĐ, Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và Quy chế bầu cử Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2018 - 2023
Nội dung chi tiết theo Chương trình họp ĐHĐCĐ, Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và Quy chế bầu cử Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2018-2023 đính kèm.

ĐIỀU 2: Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về tình hình hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021

Nội dung chi tiết theo Báo cáo đính kèm.

ĐIỀU 3: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021

Nội dung chi tiết theo Báo cáo đính kèm.

ĐIỀU 4: Thông qua Báo cáo về hoạt động giám sát của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021

Nội dung chi tiết theo Báo cáo đính kèm.

ĐIỀU 5: Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC)

Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2020 và Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC) tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định và đã được Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn công bố theo quy định, đồng thời được đăng

tại trên Website: <http://www.saigontel.vn> từ 09/02/2021 bao gồm:

- (1) Báo cáo của Kiểm toán viên;
- (2) Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020;
- (3) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020;
- (4) Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
- (5) Thuyết minh Báo cáo tài chính.
- (6) Trong đó có một số chỉ tiêu chủ yếu:

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính Công ty mẹ đã kiểm toán năm tài chính 2020:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Tổng tài sản	2,290,079,222,841
2	Vốn chủ sở hữu <i>Trong đó:</i>	764,811,193,532
2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	740,019,140,000
2.2	Cổ phiếu quỹ	(3,100,000)
2.3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	24,795,153,532
3	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	411,170,334,593
4	Tổng chi phí ^(*)	386,230,350,986
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	24,939,983,607
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11,666,026,745

() Tổng chi phí bao gồm: Chi phí hoạt động kinh doanh, Chi phí quản lý DN và Chi phí khác*

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm tài chính 2020:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Tổng tài sản	2,518,241,153,056
2	Vốn chủ sở hữu <i>Trong đó:</i>	860,212,967,852
2.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	740,019,140,000

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
2.2	Cổ phiếu quỹ	(3,100,000)
2.3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	24,160,547,060
2.4	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	96,036,380,792
3	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	482,243,202,819
4	Tổng chi phí^(*)	456,004,649,818
5	Lợi nhuận kế toán trước thuế	26,238,553,001
6	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12,699,160,875

() Tổng chi phí bao gồm: Chi phí hoạt động kinh doanh, Chi phí quản lý DN và Chi phí khác*

ĐIỀU 6: Thông qua phương án lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021:

ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số các công ty kiểm toán sau đây thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét các báo cáo tài chính quý (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước):

- i. Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học AISC;
- ii. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC);
- iii. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- iv. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).
- v. Công ty TNHH PKF Việt Nam;
- vi. Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young;
- vii. Công ty TNHH Kiểm toán KPMG.

Trong trường hợp không thống nhất được với những công ty kiểm toán nêu trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số công ty kiểm toán còn lại trong Danh sách Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của UBCKNN để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm và soát xét các báo cáo tài chính quý (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

ĐIỀU 7: Thông qua việc điều chỉnh và bổ sung một số nội dung của Điều lệ Công ty:

ĐHĐCĐ thông qua việc điều chỉnh và bổ sung một số nội dung của Điều lệ Công ty phù hợp với Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nội dung Điều lệ mới – đính kèm Nghị quyết.

- Điều lệ mới có giá trị kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua, ngày 11/04/2021.
- Giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ mới.
- Giao cho Bà Nguyễn Cẩm Phương – Tổng Giám đốc, đại diện cho công ty thực hiện việc công bố thông tin và các thủ tục có liên quan khác, theo yêu cầu thực tế công việc và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 8: Thông qua điều chỉnh và bổ sung một số nội dung của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty:

DHĐCĐ thông qua việc điều chỉnh và bổ sung một số nội dung của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phù hợp với Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nội dung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty – đính kèm Nghị quyết.

- Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty mới.
- Giao cho Bà Nguyễn Cẩm Phương – Tổng Giám đốc, đại diện cho công ty thực hiện việc công bố thông tin và các thủ tục có liên quan khác, theo yêu cầu thực tế công việc và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 9: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị:

DHĐCĐ thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị - đính kèm Nghị quyết.

- Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Giao cho Bà Nguyễn Cẩm Phương – Tổng Giám đốc, đại diện cho công ty thực hiện việc công bố thông tin và các thủ tục có liên quan khác, theo yêu cầu thực tế công việc và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 10: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát:

DHĐCĐ thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát phù hợp với Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nội dung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát - đính kèm Nghị quyết.

- Giao cho Ban Kiểm soát của Công ty tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Giao cho Bà Nguyễn Cẩm Phương – Tổng Giám đốc, đại diện cho công ty thực hiện việc công bố thông tin và các thủ tục có liên quan khác, theo yêu cầu thực tế công việc và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 11: Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023:

ĐHĐCĐ thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 của Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn như sau:

- 11.1. Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với ông Phan Anh Tuấn.
- 11.2. Bổ nhiệm 01 thành viên Ban Kiểm soát đối với:
Ông NGUYỄN ĐỨC THUẬN

ĐIỀU 12: Thông qua việc ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị

Để đảm bảo việc điều hành hoạt động đầu tư, kinh doanh được thuận tiện, thông suốt và không ảnh hưởng đến tiến độ của các dự án đầu tư, tiến độ kế hoạch kinh doanh; đồng thời đảm bảo nguyên tắc quản trị công ty theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty, ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho HĐQT được xem xét quyết định, phê duyệt các công việc dưới đây, bao gồm cả trường hợp vượt qua các tỷ lệ cần phê duyệt của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ công ty liên quan đến các công việc dưới đây và HĐQT sẽ báo cáo các công việc trọng yếu tại ĐHĐCĐ gần nhất:

- (1) Việc đầu tư, bảo lãnh, sử dụng tài sản thế chấp, thu xếp vốn thông qua các hình thức được pháp luật cho phép và các giao dịch khác liên quan đến các dự án, các hoạt động của Công ty, Công ty Con, Công ty liên kết, Các công ty mà Công ty mẹ nắm giữ dưới dạng đầu tư dài hạn và các đối tượng khác cùng liên doanh, liên kết, hợp tác kinh với Công ty.
- (2) Việc đầu tư, mua bán, bảo lãnh, sử dụng tài sản để thế chấp, thu xếp vốn và các giao dịch khác liên quan đến các dự án mà Công ty đang đầu tư tại các tỉnh: Bà Rịa – Vũng Tàu, Long An, Bắc Giang, Quảng Ninh, Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Dương, Hưng Yên, Thái Nguyên... v.v và toàn bộ các dự án khác đang và sẽ được thành lập bởi Công ty cùng các bên liên quan và các đối tác khác.
- (3) Việc đầu tư, mua bán các dự án có quy mô lớn có tổng vốn đầu tư, hoặc vốn góp của Công ty, hoặc vốn liên doanh của Công ty, hoặc giá trị mua bán, hoặc các giao dịch liên quan khác, .v.v thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 13: Thông qua phương án chi trả thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát Công ty

ĐHĐCĐ phê duyệt Tổng mức chi trả thù lao tối đa hàng năm cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát cho giai đoạn 2019-2023 (hết nhiệm kỳ của HĐQT và BKS) là: **1.200.000.000 đồng** (Một tỷ hai trăm triệu đồng)/năm.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phê duyệt mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát

ĐIỀU 14: Điều khoản thi hành

Đại Hội Đồng Cổ Đông giao cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành công ty và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị Quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 04 năm 2021.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HSX (báo cáo);
- Thành viên HĐQT; BKS (G/sát);
- Thành viên Ban Điều Hành (T/hiện);
- Các Quý cổ đông;
- Lưu HC.



**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOA**

ĐẶNG THÀNH TÂM

Số: 02../2021/ĐHĐCĐ-SGT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT 02

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

-----***-----

- Căn cứ quy định pháp luật hiện hành của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn hiện hành;
- Căn cứ Tờ trình của Hội Đồng Quản Trị tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021;
- Căn cứ Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 ngày 11 tháng 04 năm 2021.

QUYẾT NGHỊ:

ĐIỀU 1: Sửa đổi, bổ sung Ngành, nghề kinh doanh:

❖ Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
1	Xây dựng nhà để ở	4101
2	Xây dựng nhà không để ở	4102
3	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5	Xây dựng công trình điện (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
6	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7	Xây dựng công trình công ích khác	4229
8	Phá dỡ	4311
9	Chuẩn bị mặt bằng	4312
10	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
11	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế kiến trúc công trình dân dụng. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra dự toán và tổng dự toán công trình xây dựng. Lập dự án đầu tư (báo cáo tiền khả thi, khả thi). Lập tổng dự toán và dự toán công trình. Đánh giá sự cố, lập phương án xử lý. Khảo sát địa hình công trình. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu, đường bộ	7110



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
	Thiết kế cấp nước công trình xây dựng. Thiết kế kiến trúc công trình - Tư vấn đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).	
12	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
13	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá)	6820
14	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ Logistic	5229
16	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Kinh doanh, phát triển và khai thác cảng biển	5222
17	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Bảo dưỡng và làm sạch cống rãnh và ống dẫn; Xử lý nước thải (gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp, nước thải từ bể bơi) bằng các qui trình vật lý, hóa học và sinh học như pha loãng, lọc quan màn chắn, qua bộ lọc, kết tủa; Làm rộng và làm sạch các bể chứa nước thải và bể chứa bị nhiễm khuẩn, sử dụng các hóa chất vệ sinh;	3700
18	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
19	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở)	5510
20	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
21	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
22	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Chế biến các loại đồ mộc và thành phẩm đồ gỗ chế biến (không hoạt động tại trụ sở)	1629
23	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
24	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống;	5610
25	Đại lý du lịch	7910
26	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành, du lịch sinh thái;	7912
27	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
28	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Quản lý, bảo vệ, xây dựng và khai thác rừng trồng; Sản xuất nông lâm nghiệp kết hợp;	0210

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
29	Khai thác gỗ	0220
30	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
31	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
32	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)	4620
33	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
34	Cho thuê xe có động cơ	7710
35	Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở)	0121
36	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
37	Trồng lúa (không hoạt động tại trụ sở)	0111
38	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác (không hoạt động tại trụ sở)	0112
39	Trồng cây lấy củ có chất bột (không hoạt động tại trụ sở)	0113
40	Trồng cây mía (không hoạt động tại trụ sở)	0114
41	Trồng cây lấy sợi (không hoạt động tại trụ sở)	0116
42	Trồng cây có hạt chứa dầu (không hoạt động tại trụ sở)	0117
43	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở)	0118
44	Trồng cây cao su (không hoạt động tại trụ sở)	0125
45	Trồng cây cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	0126
46	Trồng cây chè (không hoạt động tại trụ sở)	0127
47	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm (không hoạt động tại trụ sở)	0128
48	Trồng cây hàng năm khác (không hoạt động tại trụ sở)	0119
49	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
50	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
51	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò (không hoạt động tại trụ sở)	0141
52	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai (không hoạt động tại trụ sở)	0144
53	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn (không hoạt động tại trụ sở)	0145
54	Chăn nuôi gia cầm (không hoạt động tại trụ sở)	0146
55	Chăn nuôi khác (không hoạt động tại trụ sở)	0149
56	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở)	0150
57	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
58	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
59	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
60	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
61	Dịch vụ đóng gói	8292

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
62	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080
63	Sản xuất hoá chất cơ bản (không hoạt động tại trụ sở)	2011
64	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (không hoạt động tại trụ sở)	2012
65	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	2021
66	Thu gom rác thải không độc hại	3811
67	Thu gom rác thải độc hại	3812
68	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3921
69	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
70	Tái chế phế liệu	3830

❖ Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú
1	Đào tạo sơ cấp (không hoạt động tại trụ sở)	8531	Ngành, nghề kinh doanh bị thay đổi theo Quyết định số 27/2018/Q Đ-TTg
2	Đào tạo trung cấp (không hoạt động tại trụ sở)	8532	
3	Đào tạo cao đẳng	8533	
4	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa (trừ môi giới bất động sản)	4610	Đ-TTg
5	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322	
6	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730	
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35 KV. - Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp. - Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học	4299	Ngành, nghề kinh doanh bị xóa theo Quyết định số 27/2018/Q Đ-TTg
8	Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở)	3511	

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú
9	Truyền tải và phân phối điện (không hoạt động tại trụ sở) Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng; Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý điện mà sắp xếp việc mua bán điện thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác.	3512	
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ giao nhận hàng hóa. - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Môi giới thuê tàu biển; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không). - Dịch vụ hậu cần cảng. - Kinh doanh dịch vụ Logistics.	5229	Thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký

- Trong phạm vi các ngành nghề được phép bổ sung nêu trên, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT toàn quyền ra quyết định điều chỉnh thông tin ngành nghề nếu có theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh và các cơ quan hữu quan khác theo quy định về đăng ký ngành nghề kinh doanh hiện hành.

- ❖ Sửa đổi nội dung Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty của Điều lệ Công ty cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn liên quan đến việc bổ sung ngành như trên.

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
<i>Đối với ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật</i>		
1	<i>Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác, bán buôn xăng dầu, bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, bán buôn khí dầu mỏ, khí butan, propan đã hóa lỏng (không hoạt động tại trụ sở)</i>	4661
2	<i>Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng</i>	1104

<i>STT</i>	<i>Tên ngành, nghề kinh doanh</i>	<i>Mã ngành, nghề kinh doanh</i>
	<i>Chi tiết: Sản xuất nước khoáng thiên nhiên và nước uống tinh khiết đóng chai (không hoạt động tại trụ sở)</i>	
3	<i>Sao chép bản ghi các loại Chi tiết: Sản xuất CD-VCD có nội dung được phép lưu hành (không kinh doanh băng đĩa tại trụ sở)</i>	1820
4	<i>Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)</i>	5012
5	<i>Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)</i>	5022
6	<i>Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa hàng không)</i>	5224
7	<i>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ giao nhận hàng hóa. - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Môi giới thuê tàu biển; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không). - Dịch vụ hậu cần cảng. - Kinh doanh dịch vụ Logistics.</i>	5229
8	<i>Chuyển phát Chi tiết: Cung ứng dịch vụ bưu chính trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh, quốc tế</i>	5320
9	<i>Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).</i>	5629
10	<i>Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).</i>	5630

<i>STT</i>	<i>Tên ngành, nghề kinh doanh</i>	<i>Mã ngành, nghề kinh doanh</i>
11	<i>Xuất bản phần mềm Chi tiết: sản xuất phần mềm</i>	5820
12	<i>Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý số liệu, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (không kinh doanh đại lý truy nhập - truy cập internet tại trụ sở) (không có hạ tầng mạng) - Đại lý cung cấp dịch vụ internet. (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet tại trụ sở) (không có hạ tầng mạng) - Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông (không có hạ tầng mạng).</i>	6190
13	<i>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật ngành tin học. Thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng máy tính.</i>	6209
14	<i>Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan</i>	6311
15	<i>Cổng thông tin Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.</i>	6312
16	<i>Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị làm lạnh thương mại và thiết bị lọc không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)</i>	3312
17	<i>Sửa chữa thiết bị điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)</i>	3314
18	<i>Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở)</i>	3511
19	<i>Truyền tải và phân phối điện (không hoạt động tại trụ sở) Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng; Hoạt động của các trung gian hoặc đại lý điện mà sắp xếp việc mua bán điện thông qua hệ thống phân phối thực hiện bởi người khác.</i>	3512
20	<i>Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở)</i>	3600
21	<i>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35 KV. - Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp. - Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học.</i>	4299

<i>STT</i>	<i>Tên ngành, nghề kinh doanh</i>	<i>Mã ngành, nghề kinh doanh</i>
22	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4321
23	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)	4322
24	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
25	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa (trừ môi giới bất động sản)	4610
26	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
27	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: - Mua bán thiết bị điện-điện tử - Mua bán vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin - Mua bán thẻ điện thoại, thẻ internet.	4652 (Chính)
28	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị ngành viễn thông.	4659
29	Vận tải hàng hóa đường sắt Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng đường sắt liên tỉnh, nội thành và ngoại thành (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4912
30	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa thông thường - Vận tải hàng nặng, vận tải container; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng - Hoạt động chuyển đồ đặc.	4933
31	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; tổ chức sự kiện, hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo, lễ hội (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230

<i>STT</i>	<i>Tên ngành, nghề kinh doanh</i>	<i>Mã ngành, nghề kinh doanh</i>
32	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: dịch vụ giữ xe ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (trừ dịch vụ lấy lại tài sản)	8299
33	Đào tạo sơ cấp	8531
34	Đào tạo trung cấp (không hoạt động tại trụ sở)	8532
35	Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở)	8533
36	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ phòng trà ca nhạc, vũ trường và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	9000
37	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)	9511
38	Sửa chữa thiết bị liên lạc Chi tiết: Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông và tin học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)	9512
39	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Chi tiết: Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (chỉ hoạt động khi có sự chấp thuận của Ngân hàng nhà nước) (thực hiện theo Nghị định 101/2012/NĐ-CP)	6499
40	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm	6622
41	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). - Cho thuê kho bãi. Kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê). - Kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp. - Kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học	6810
42	Quảng cáo	7310
43	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320



STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
44	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; hoạt động trang trí nội thất (trừ thiết kế công trình xây dựng).	7410
45	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
46	Xây dựng nhà để ở	4101
47	Xây dựng nhà không để ở	4102
48	Xây dựng công trình đường sắt	4211
49	Xây dựng công trình đường bộ	4212
50	Xây dựng công trình điện (doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước trong hoạt động thương mại theo Nghị định 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ độc quyền Nhà nước)	4221
51	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
52	Xây dựng công trình công ích khác	4229
53	Phá dỡ	4311
54	Chuẩn bị mặt bằng	4312
55	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
56	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế kiến trúc công trình dân dụng. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra dự toán và tổng dự toán công trình xây dựng. Lập dự án đầu tư (báo cáo tiền khả thi, khả thi). Lập tổng dự toán và dự toán công trình. Đánh giá sự cố, lập phương án xử lý. Khảo sát địa hình công trình. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị cấp thoát nước công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu, đường bộ Thiết kế cấp nước công trình xây dựng. Thiết kế kiến trúc công trình - Tư vấn đấu thầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).	7110

 51
NG
PH
HỆ-V
IG
P

<i>STT</i>	<i>Tên ngành, nghề kinh doanh</i>	<i>Mã ngành, nghề kinh doanh</i>
57	<i>Hoạt động tư vấn quản lý</i>	7020
58	<i>Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá)</i>	6820
59	<i>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa</i>	5210
60	<i>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải</i> <i>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ Logistic</i>	5229
61	<i>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy</i> <i>Chi tiết: Kinh doanh, phát triển và khai thác cảng biển (theo quy định của Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển)</i>	5222
62	<i>Thoát nước và xử lý nước thải</i> <i>Chi tiết: Bảo dưỡng và làm sạch cống rãnh và ống dẫn; Xử lý nước thải (gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp, nước thải từ bể bơi) bằng các qui trình vật lý, hóa học và sinh học như pha loãng, lọc quan màn chắn, qua bộ lọc, kết tủa; Lấm rỗng và làm sạch các bể chứa nước thải và bể chứa bị nhiễm khuẩn, sử dụng các hóa chất vệ sinh;</i>	3700
63	<i>Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác</i>	3900
64	<i>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở)</i>	5510
65	<i>Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ</i>	9632
66	<i>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật</i>	7120
67	<i>Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tẻ bện</i> <i>Chi tiết: Chế biến các loại đồ mộc và thành phẩm đồ gỗ chế biến (không hoạt động tại trụ sở)</i>	1629
68	<i>Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ</i>	1610
69	<i>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động</i> <i>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống;</i>	5610
70	<i>Đại lý du lịch</i>	7910
71	<i>Điều hành tua du lịch</i> <i>Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành, du lịch sinh thái;</i>	7912
72	<i>Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch</i>	7990

<i>STT</i>	<i>Tên ngành, nghề kinh doanh</i>	<i>Mã ngành, nghề kinh doanh</i>
73	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Quản lý, bảo vệ, xây dựng và khai thác rừng trồng; Sản xuất nông lâm nghiệp kết hợp	0210
74	Khai thác gỗ	0220
75	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
76	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
77	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)	4620
78	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
79	Cho thuê xe có động cơ	7710
80	Trồng cây ăn quả (không hoạt động tại trụ sở)	0121
81	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
82	Trồng lúa (không hoạt động tại trụ sở)	0111
83	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác (không hoạt động tại trụ sở)	0112
84	Trồng cây lấy củ có chất bột (không hoạt động tại trụ sở)	0113
85	Trồng cây mía (không hoạt động tại trụ sở)	0114
86	Trồng cây lấy sợi (không hoạt động tại trụ sở)	0116
87	Trồng cây có hạt chứa dầu (không hoạt động tại trụ sở)	0117
88	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (không hoạt động tại trụ sở)	0118
89	Trồng cây cao su (không hoạt động tại trụ sở)	0125
90	Trồng cây cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	0126
91	Trồng cây chè (không hoạt động tại trụ sở)	0127
92	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm (không hoạt động tại trụ sở)	0128
93	Trồng cây hàng năm khác (không hoạt động tại trụ sở)	0119
94	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
95	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
96	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò (không hoạt động tại trụ sở)	0141

<i>STT</i>	<i>Tên ngành, nghề kinh doanh</i>	<i>Mã ngành, nghề kinh doanh</i>
97	<i>Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai (không hoạt động tại trụ sở)</i>	0144
98	<i>Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn (không hoạt động tại trụ sở)</i>	0145
99	<i>Chăn nuôi gia cầm (không hoạt động tại trụ sở)</i>	0146
100	<i>Chăn nuôi khác (không hoạt động tại trụ sở)</i>	0149
101	<i>Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không hoạt động tại trụ sở)</i>	0150
102	<i>Hoạt động dịch vụ trồng trọt</i>	0161
103	<i>Hoạt động dịch vụ chăn nuôi</i>	0162
104	<i>Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch</i>	0163
105	<i>Xử lý hạt giống để nhân giống</i>	0164
106	<i>Dịch vụ đóng gói</i>	8292
107	<i>Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)</i>	1080
108	<i>Sản xuất hoá chất cơ bản (không hoạt động tại trụ sở)</i>	2011
109	<i>Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (không hoạt động tại trụ sở)</i>	2012
110	<i>Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)</i>	2021
111	<i>Thu gom rác thải không độc hại</i>	3811
112	<i>Thu gom rác thải độc hại</i>	3812
113	<i>Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại</i>	3921
114	<i>Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại</i>	3822
115	<i>Tái chế phế liệu</i>	3830

- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT ra quyết định thực hiện các công việc nêu trên trước ngày 30/05/2021.

- ĐHĐCĐ giao cho Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm tiến hành các thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành sau khi có quyết định của ĐHĐCĐ đến trước ngày 30/05/2021.

ĐIỀU 2: Người đại diện theo pháp luật của Công ty - ông Đặng Thành Tâm có trách nhiệm tiến hành các thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.



ĐIỀU 3: Người đại diện theo pháp luật của công ty, các cổ đông công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

ĐIỀU 4: Điều khoản thi hành

Đại Hội Đồng Cổ Đông giao cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành công ty và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị Quyết này.
Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 04 năm 2021.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HSX (báo cáo);
- Thành viên HĐQT; BKS (G/sát);
- Thành viên Ban Điều Hành (T/hiện);
- Các Quý cổ đông;
- Lưu HC.



Số: 03.../2021/ĐHĐCĐ-SGT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2021

NGHỊ QUYẾT 03
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

-----***-----

- Căn cứ quy định pháp luật hiện hành của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công Nghệ - Viễn Thông Sài Gòn hiện hành;
- Căn cứ Tờ trình của HĐQT tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021;
- Căn cứ Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 ngày 11 tháng 04 năm 2021.

QUYẾT NGHỊ:**ĐIỀU 1: Thông qua phương án tăng vốn:****1. Thông tin cổ phiếu chào bán**

- Cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang niêm yết: 74.001.914 cổ phiếu (Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, chín trăm mười bốn cổ phiếu), trong đó:
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 74.001.604 cổ phiếu (Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, sáu trăm linh bốn cổ phiếu)
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 310 cổ phiếu (Ba trăm mười cổ phiếu).

2. Phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu

Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 74.001.604 cổ phiếu (Bảy mươi bốn triệu, không trăm linh một nghìn, sáu trăm linh bốn cổ phiếu)

Tổng mệnh giá dự kiến phát hành: 740.016.040.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi tỷ, không trăm mười sáu triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng)

Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 100%

Phương thức chào bán: Chào bán cho cổ đông hiện hữu



Đối tượng chào bán:	Tất cả cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền do VSD cấp.
Giá chào bán dự kiến:	10.000 đồng/cổ phiếu – bằng mệnh giá
Tỷ lệ phát hành	1: 1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, Cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu tương đương với 01 quyền mua thêm cổ phiếu. Cứ 1 quyền mua thêm cổ phiếu sẽ được mua thêm 01 cổ phiếu mới).
Phương thức xử lý cổ phiếu không chào bán hết:	Số lượng cổ phiếu do các cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn giá đã chào bán hoặc được hủy bỏ và kết thúc đợt phát hành

3. Phương án chào bán riêng lẻ

Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 50.000.000 cổ phiếu (Năm mươi triệu cổ phiếu)

Tổng mệnh giá dự kiến phát hành: 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng)

Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 67,57%

Phương thức chào bán: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ

Đối tượng chào bán: Nhà đầu tư chiến lược và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

Số lượng nhà đầu tư: Chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

Nguyên tắc xác định giá chào bán: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn giá phát hành căn cứ tình hình thực tế và trên cơ sở đàm phán với các nhà đầu tư và đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông

Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư: Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn các nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong và ngoài nước đáp ứng các tiêu chí:

- Các tổ chức, cá nhân có tiềm lực về tài chính và khả năng góp vốn nhanh ngay khi đăng ký mua cổ phần;
- Các tổ chức, cá nhân có năng lực chuyên môn, có khả năng hỗ trợ công ty trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý điều hành để gia tăng giá trị và mở rộng thị trường. Ưu tiên các đối tác truyền thống, tiềm năng của công ty;
- Các tiêu chí khác mà HĐQT thấy cần thiết.

Danh sách các đối tượng Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn nhà đầu tư cụ thể và số lượng chào bán (dự kiến): cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư tương ứng.

Hạn chế chuyển nhượng: Tuân theo quy định của Luật Chứng khoán về thời gian hạn chế chuyển nhượng tối thiểu đối với cổ phiếu chào bán riêng lẻ. Theo đó, thời gian hạn chế chuyển nhượng là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp) kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Việc xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phương thức xử lý cổ phiếu không chào bán hết: Số lượng cổ phiếu do các nhà đầu tư không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn giá đã chào bán hoặc được hủy bỏ và kết thúc đợt phát hành

4. Mục đích và kế hoạch sử dụng vốn

Số tiền thu được từ các đợt chào bán được sử dụng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính và nâng cao khả năng cạnh tranh, cụ thể:

- Bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- Tái cơ cấu lại các khoản nợ vay nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho công ty;
- Tăng quy mô hoạt động, đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng, điều chỉnh kế hoạch sử dụng vốn chi tiết tùy vào tình hình thực tế tại thời điểm chào bán cổ phiếu. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo với cổ đông tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất sau khi hoàn tất việc phát hành

5. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

- Xây dựng nguyên tắc xác định giá (nếu cần), phương án chào bán cổ phiếu chi tiết để trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.
- Lựa chọn thời điểm chào bán phù hợp với nhu cầu của Công ty trên cơ sở đảm bảo tuân quy định của pháp luật;
- Lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán, đơn vị bảo lãnh chào bán (nếu xét thấy cần thiết)
- Bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án phát hành (nếu thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước) đảm bảo việc phát hành cổ phiếu được thực hiện hợp pháp, đảm bảo hoàn thành việc tăng vốn đúng theo kế hoạch sử dụng vốn đã xây dựng.
- Chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế, lợi ích của Công ty, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất sau khi hoàn tất đợt phát hành;
- Thực hiện các thủ tục đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với các ngành nghề mà Công ty đăng ký kinh doanh;
- Xử lý trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không được chào bán hết;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu và thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại cơ quan có thẩm quyền ghi nhận số vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu;
- Thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán;
- Toàn quyền quyết định các vấn đề chưa được đề cập trong Phương án chào bán;
- Thực hiện các công việc, thủ tục khác mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để hoàn tất việc phát hành theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phê duyệt nêu trên.

C.P. HNH

ĐIỀU 2 : Điều khoản thi hành

Đại Hội Đồng Cổ Đông giao cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành công ty và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị Quyết này.
Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 04 năm 2021.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HSX (báo cáo);
- Thành viên HĐQT; BKS (G/sát);
- Thành viên Ban Điều Hành (T/hiện);
- Các Quý cổ đông;
- Lưu HC.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

A Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung **M** (028) 3715 9909
P. Tân Chánh Hiệp, Q.12, TP.HCM **F** (028) 5437 1074

VPDD Miền Nam

12 Phạm Đình Toái,
P.6, Q.3, TP.HCM

VPDD Miền Bắc

193 Trích Sài,
P.Bưởi, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội

Chi nhánh Bắc Ninh

KCN Đại Đồng - Hàn Sơn,
Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh